

# THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ *Doanh số bán lẻ đồ nội thất và đồ gia dụng của Hoa Kỳ tháng 01/2020 tăng 1,8% so với tháng 01/2019.*
- ▶ *Thị phần đồ nội thất bằng gỗ Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU 27 giảm.*
- ▶ *Xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong 15 ngày đầu tháng 02/2020 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2019.*

## THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

- **Thế giới:** Theo một nghiên cứu từ Tập đoàn Freedonia, người tiêu dùng mong muốn có thêm tủ lưu trữ, bếp đảo với ghế băng và kệ kéo tích hợp đèn LED, điều này thúc đẩy nhu cầu về tủ bếp tăng 4,6% hàng năm và đạt 17,3 tỷ USD vào năm 202

Nghiên cứu cho thấy, năm 2018 tủ cơ bản chiếm tỷ lệ lớn nhất trong nhu cầu tủ bếp và xu hướng này sẽ tiếp tục duy trì đến năm 2020. Tuy nhiên, nhu cầu tủ cao và tủ tường sẽ tăng nhanh hơn, thay vì chọn các loại tủ như kệ mở và giá đỡ để có không gian lưu trữ lớn hơn.

Nhu cầu tủ cao dự kiến sẽ tăng với tốc độ cao nhất trong số các loại tủ, tăng 5,0% hàng năm và đạt 2,8 tỷ USD vào năm 2020. Nhu cầu

loại tủ này được thúc đẩy nhờ:

+ Sự quan tâm của người tiêu dùng đối với các tủ lớn hơn, cung cấp nhiều không gian lưu trữ hơn cho thực phẩm và bát đĩa;

+ Người tiêu dùng lắp đặt tủ cao để lưu trữ các thiết bị nhà bếp lớn, như máy trộn, để có nhiều không gian quầy hơn;

+ Chủ nhà quan tâm đến việc lắp đặt tủ cao để tạo sự tương phản trực quan với tủ và chân tường trong nhà bếp.

- **Hoa Kỳ:** Theo nguồn furnituretoday.com, doanh số bán lẻ đồ nội thất và đồ gia dụng của Hoa Kỳ tháng 01/2020 có khởi đầu năm thuận lợi, đạt 9,75 tỷ USD, tăng 0,6% so với tháng 12/2019, tăng 1,8% so với tháng 01/2019.



## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Về xuất khẩu: Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 15/02/2020 đạt 301,1 triệu USD, tăng 244,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 201,2 triệu USD, tăng 324,1% so với cùng kỳ năm 2019. Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/02/2020 xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt 1,13 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ

năm 2019. Xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 808,8 triệu USD, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Về nhập khẩu: Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 15/02/2020 đạt 88,2 triệu USD, tăng 97,4% so với cùng kỳ năm 2019. Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/02/2020 nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 257,1 triệu USD, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2019.

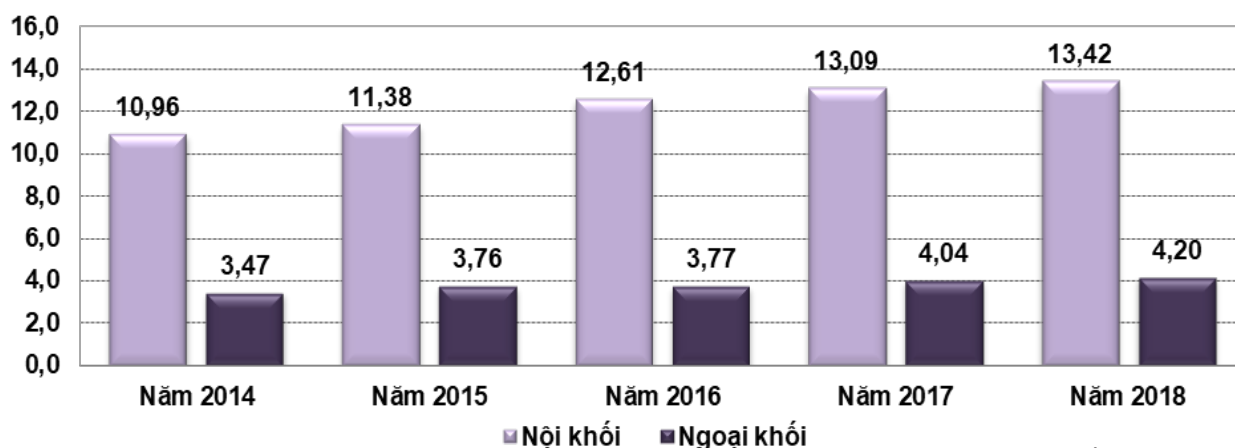
## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ EU 27 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan Thông kê châu Âu (Eurostat), nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU 27 liên tục tăng trong vòng 5 năm qua, trị giá lên tới 18 tỷ Eur (tương đương 19 tỷ USD) trong năm 2018,

tăng trưởng với tốc độ bình quân là 5,1% trong giai đoạn năm 2014 - 2018. Trong đó nhập khẩu đồ nội thất gỗ nội khối tăng trưởng bình quân 5,2% và nhập khẩu ngoại khối tăng 4,9%.

### EU 27 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong 5 năm từ năm 2014 - 2018

(ĐVT: Tỷ Eur)



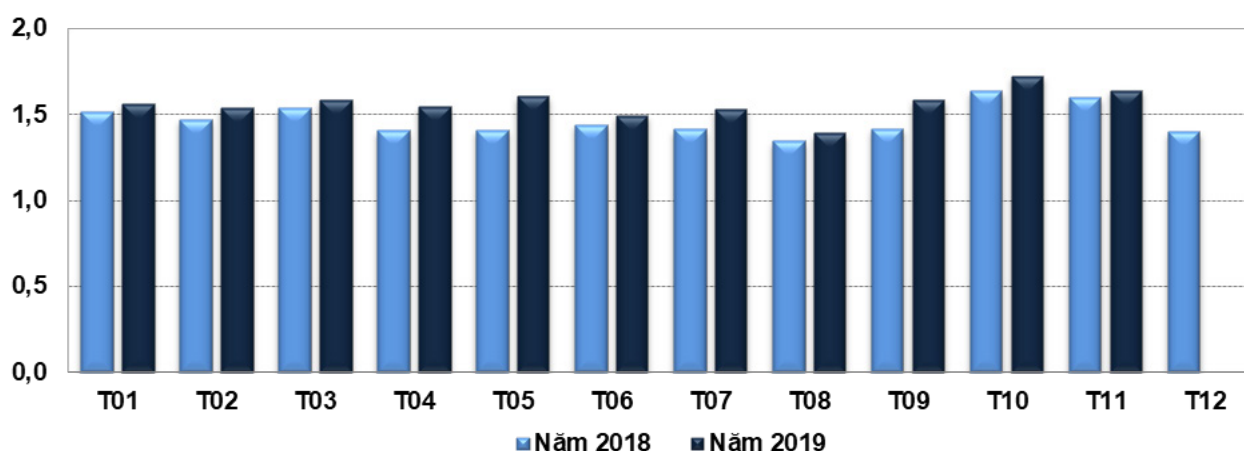
Nguồn: Eurostat

Năm 2019, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU27 tiếp tục tăng. Theo số liệu từ Cơ quan Thông kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU27 trong 11 tháng năm 2019 đạt 6,4 triệu tấn, trị giá 17,2 tỷ Eur (tương đương 18,6 tỷ USD), tăng

5,2% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Giá nhập khẩu bình quân mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ của EU27 đạt 2.681,6 Eur/tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2018.

## EU 27 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ qua các tháng giai đoạn năm 2018 - 2019

(ĐVT: Tỷ Eur)



Nguồn: Eurostat

### Thị trường nhập khẩu:

EU 27 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ chủ yếu từ các thị trường nội khối, tỷ trọng nhập khẩu nội khối chiếm tới 74,5% tổng lượng nhập khẩu. Trong đó, Ba Lan và Đức là hai thị trường cung cấp chính trong khu vực nội khối.

Trong các thị trường ngoài khối, Trung Quốc là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho EU, đạt 713 nghìn tấn, 1,9 tỷ Eur (tương đương 2,07 tỷ USD) trong 11 tháng năm 2019, tăng 2,1% về lượng và tăng 1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Giá nhập khẩu bình quân mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ từ thị trường Trung Quốc đạt 2.693,1 Eur/tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2018.

Việt Nam là thị trường ngoài khối cung

cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ hai cho EU trong 11 tháng năm 2019, đạt 128 nghìn tấn, 406,5 triệu Eur (tương đương 439 triệu USD), tăng 0,3% về lượng và tăng 6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ trọng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ Việt Nam vẫn còn thấp, mới chỉ chiếm 2% trong tổng nhập khẩu của EU 27, còn rất nhiều dư địa để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường EU. Đặc biệt, năm 2020 Hiệp định EVFTA được phê chuẩn sẽ mang đến cơ hội cho ngành gỗ Việt Nam theo lộ trình giảm thuế. EU 27 là khu vực có tiềm năng lâm nghiệp lớn trên thế giới, công nghệ và thiết bị chế biến gỗ của EU đứng hàng đầu với các thiết bị hiện đại nhất. Do đó, EVFTA là mang lại nhiều cơ hội lớn cho doanh nghiệp gỗ Việt Nam phát triển sản xuất và nhập khẩu thiết bị hiện đại của EU.



## EU 27 nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ 10 thị trường chính 11 tháng năm 2019

Thị trường	11 tháng năm 2019				So với 11 tháng năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng 11 tháng (%)	
	Lượng (Nghìn tấn)	Trị giá (Triệu Eur)	Trị giá (Triệu USD)	Giá TB (Eur/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Năm 2019	Năm 2018
<b>Tổng</b>	<b>6.424</b>	<b>17.226,0</b>	<b>18.604</b>	<b>2.681,6</b>	<b>5,2</b>	<b>6,2</b>	<b>1,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
<b>EU</b>	<b>4.785</b>	<b>12.851,6</b>	<b>13.880</b>	<b>2.685,9</b>	<b>3,9</b>	<b>3,9</b>	<b>0,1</b>	<b>74,5</b>	<b>75,4</b>
Ba Lan	1.695	3.686,0	3.981	2.175,0	5,1	4,2	-0,8	26,4	26,4
Đức	642	2.478,9	2.677	3.860,1	0,9	7,8	6,8	10,0	10,4
Lít-va	416	614,2	663	1.476,5	9,2	9,7	0,5	6,5	6,2
Ý	397	1.339,5	1.447	3.373,1	4,3	3,0	-1,3	6,2	6,2
Thụy Điển	239	404,3	437	1.690,8	5,4	5,0	-0,5	3,7	3,7
Thị trường khác trong EU	1.396	4.328,8	4.675	3.101,5	2,0	1,0	-0,9	21,7	22,4
<b>Thị trường ngoài EU</b>									
Trung Quốc	713	1.920,5	2.074	2.693,1	6,6	11,3	4,3	11,1	11,0
Việt Nam	128	406,5	439	3.167,3	0,3	6,0	5,7	2,0	2,1
U-crai-na	111	156,9	169	1.407,1	28,2	30,7	2,0	1,7	1,4
Bê-la-rút	82	106,1	115	1.300,7	38,2	29,0	-6,6	1,3	1,0
Thổ Nhĩ Kỳ	76	188,8	204	2.480,5	19,9	23,0	2,6	1,2	1,0
Ấn Độ	71	203,8	220	2.862,9	13,6	17,4	3,4	1,1	1,0
In-đô-nê-xi-a	70	288,9	312	4.107,6	2,0	27,8	25,3	1,1	1,1
Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-a	62	179,0	193	2.885,5	-0,1	3,1	3,1	1,0	1,0
Séc-bi-a	59	123,1	133	2.077,8	10,5	13,8	3,0	0,9	0,9
Thị trường khác	266	800,8	865	3.016,0	7,8	13,4	5,2	4,1	4,0

*Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Eurostat*



## Mặt hàng nhập khẩu

Mặt hàng đồ nội thất phòng khách và phòng ăn (mã HS 940360) là mặt hàng chính EU 27 nhập khẩu trong 11 tháng năm 2019. Tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này chiếm tới 50,1% tổng lượng nhập khẩu. EU 27 nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường chính ngoài khối như: Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ và U-crai-na...

Mặt hàng ghế khung gỗ (mã HS 940161+940169) EU 27 nhập khẩu trong 11 tháng năm 2019 đạt 1,2 nghìn tấn, trị giá 5,1 tỷ Eur (tương đương 5,5 tỷ USD), tăng 0,3% về lượng và tăng 3,9% về trị giá so với 11 tháng năm 2018. EU 27 nhập khẩu mặt hàng này

nhều nhất từ thị trường Ba Lan với lượng chiếm tới 29,8% tổng lượng ghế khung gỗ nhập khẩu, tiếp theo là thị trường Trung Quốc chiếm 21,8%; Ru-ma-ni-a chiếm 8,3%; Việt Nam chiếm 4,0%; Ý chiếm 4%...

Đáng chú ý, trong 11 tháng năm 2019 EU 27 tăng mạnh nhập khẩu mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ (mã HS 940350) và mặt hàng đồ nội thất văn phòng (mã HS 940330). Cả hai mặt hàng này EU 27 nhập khẩu từ Việt Nam với lượng nhập khẩu chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng nhập khẩu các mặt hàng này. EU 27 nhập khẩu đồ nội thất phòng ngủ từ Việt Nam chỉ chiếm 1,1% và đồ nội thất văn phòng chiếm 0,3%.

### Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ EU 27 nhập khẩu trong 11 tháng năm 2019

Mặt hàng	11 tháng năm 2019				So với 11 tháng năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng 11 tháng (%)	
	Lượng (Nghìn tấn)	Trị giá (Triệu Eur)	Trị giá (Triệu USD)	Giá TB (Eur/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Năm 2019	Năm 2018
<b>Tổng</b>	<b>6.424</b>	<b>17.226</b>	<b>18.604</b>	<b>2.681,6</b>	<b>5,2</b>	<b>6,2</b>	<b>1,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
940360	3.217	6.971	7.529	2.167,1	4,2	4,6	0,4	50,1	50,6
940161 + 940169	1.200	5.169	5.583	4.308,7	0,3	3,9	3,6	18,7	19,6
940350	1.059	2.324	2.510	2.194,3	14,0	12,0	-1,8	16,5	15,2
940340	669	1.886	2.037	2.819,6	4,6	8,6	3,8	10,4	10,5
940330	279	876	946	3.136,7	10,1	13,8	3,3	4,3	4,2

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Eurostat

(Mã HS: 940360 (đồ nội thất phòng khách và phòng ăn); 940161+940169 (ghế khung gỗ); 940350 (đồ nội thất phòng ngủ); 940340 (đồ nội thất nhà bếp); 940330 (đồ nội thất văn phòng)).